

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT LÝ TỬ TẤN
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm: 2025

Phụ lục I

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON, GIÁO DỤC
PHỔ THÔNG, GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN¹

*(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của
Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục

- Tên đơn vị: Trường THPT Lý Tử Tấn

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).

- Địa chỉ trụ sở: xã Thượng Phúc, TP Hà Nội.

- Điện thoại: 024.33760583

- Địa chỉ thư điện tử: c3lytutan@hanoiedu.vn

- Cổng thông tin điện tử: <https://thptlytutan.edu.vn>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu; tên nhà đầu tư thành lập cơ sở giáo dục, thuộc quốc gia/ vùng lãnh thổ (đối với cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài); danh sách tổ chức và cá nhân góp vốn đầu tư (nếu có).

- Là đơn vị sự nghiệp được thực hiện quyền tự chủ theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

- Nhà trường là đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên theo Quyết định số 1919/QĐ-SGDĐT ngày 13 tháng 8 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội về việc giao tự chủ tài chính cho các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2026-2030.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

4.1. Sứ mạng

Tạo dựng được môi trường làm việc, học tập và rèn luyện Dân chủ - Đoàn Kết - Kỷ cương - Trí tuệ - Đổi mới để mỗi cán bộ viên chức, mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển tài năng và phát huy tư duy sáng tạo.

4.2. Tầm nhìn

Xây dựng trường THPT Lý Tử Tấn trở thành một trong những trường tốp đầu của cụm trường THPT số 16, nơi mà học sinh sẽ lựa chọn để học tập và rèn luyện; là nơi mà giáo viên và học sinh luôn tự tin, có trách nhiệm và khát vọng vươn lên.

4.3. Mục tiêu

a) Mục tiêu tổng quát

Xây dựng nhà trường có uy tín về kỷ cương trường lớp, chất lượng đội ngũ và chất lượng giáo dục cao, xứng tầm với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và địa phương.

b) Mục tiêu cụ thể

- Xây dựng đội ngũ Cán bộ - giáo viên- nhân viên:

Năm học	Số lớp	Số học sinh	Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên				
			Tổng số	BGH	giáo viên	nhân viên	Đảng viên
2026-2027	39	1706	103	3	87	13	43
2027-2028	40	1752	103	3	87	13	45
2028-2029	41	1845	103	3	87	13	47
2029-2030	42	1890	110	3	94	13	57
2030-2031	42	1890	110	3	94	13	57

+ Cán bộ quản lý phải hội tụ đủ các phẩm chất với “4 chữ T” (tâm, tầm, tài, tình): Tâm sáng vì sự nghiệp giáo dục; Tầm nhìn xa trông rộng để định hướng chiến lược phát triển nhà trường; Tài để chỉ đạo, tổ chức, quản lý và kiểm tra công việc; Tình là luôn lãnh đạo, quản lý đội ngũ trên cơ sở dân chủ, tôn trọng, quan tâm lợi ích mọi người .

+ Năng lực chuyên môn của cán bộ, giáo viên và nhân viên được đánh giá khá, giỏi là 100%.

+ 100% giáo viên sử dụng thành thạo máy tính, trên 70% số tiết dạy có sử dụng công nghệ thông tin.

+ Trên 25 % tổng số CB-GV-NV có trình độ thạc sĩ.

+ Trên 50% giáo viên được công nhận giáo viên dạy giỏi cấp trường.

+ Trên 30% giáo viên được công nhận giáo viên dạy giỏi cấp cụm.

+ Trên 10% giáo viên được công nhận giáo viên dạy giỏi cấp thành phố.

+ Trên 20% CB-GV-NV đã đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở.

- Học sinh

+ Số lớp và số học sinh:

Năm học	Tổng số		Khối 10		Khối 11		Khối 12	
	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh
2026-2027	39	1707	13	585	13	585	13	537
2027-2028	40	1800	14	630	13	585	13	585
2028-2029	41	1845	14	630	14	630	13	585
2029-2030	42	1890	14	630	14	630	14	630
2030-2031	42	1890	14	630	14	630	14	630

+ Chất lượng học tập và rèn luyện:

Kết quả rèn luyện Tốt, Khá trên 98%.

Kết quả học tập Xuất sắc, Tốt, Khá trên 70% (trong đó trên 15% Xuất sắc, Tốt).

Thi học sinh giỏi Thành phố: trên 50% học sinh dự thi đạt giải.

Học sinh lớp 12 tốt nghiệp THPT 100%;

Tỉ lệ đỗ Đại học trên 80%.

Học sinh được trang bị các kỹ năng sống cơ bản, tích cực tự nguyện tham gia các hoạt động xã hội.

- Xây dựng quan hệ nhà trường – gia đình – xã hội:

+ Ưu tiên và quyết tâm xây dựng mối quan hệ nhà trường - gia đình thật chặt chẽ, thường xuyên, hiệu quả.

+ Chú trọng xây dựng mối quan hệ nhà trường - xã hội đảm bảo kịp thời, phù hợp.

- Xây dựng môi trường giáo dục:

+ Phát huy nội lực và huy động mọi nguồn lực xã hội xây dựng môi trường sư phạm “ Xanh – Sạch – Đẹp – Văn minh – Thân thiện”.

+ Tạo dựng môi trường làm việc đáng tin cậy, ngày càng gắn bó cả về trách nhiệm và tình cảm của cán bộ - giáo viên –nhân viên với nhà trường.

+ Tạo dựng niềm tin tưởng bền vững của cha mẹ học sinh, của học sinh, của nhân dân và xã hội đối với nhà trường.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Trường THPT Lý Tử Tấn được thành lập theo Quyết định số 573/QĐ-UB ngày 20/5/2005 của UBND tỉnh Hà Tây (cũ) nay là thành phố Hà Nội; dự án xây dựng trường từ năm 2006, đã đưa vào sử dụng từ tháng 8/2009. Trường nằm trên địa bàn thôn Lộc Dư, xã Thượng Phúc, Thành phố Hà Nội.

Về quy mô và cơ cấu tổ chức: Năm 2005, trường mới chỉ có 4 lớp, 158 HS và 16 thầy cô giáo thì đến năm học 2025 – 2026, trường THPT Lý Tử Tấn có 39 lớp với 1711 HS và 72 CB, GV, NV đều đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn. Ban giám hiệu nhà trường hiện có 01 Hiệu trưởng và 02 Phó hiệu trưởng; có 5 tổ Chuyên môn và 01 tổ Văn phòng; Chi bộ đảng trực thuộc Đảng uỷ xã Thượng Phúc gồm 41 đảng viên; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh gồm 40 chi đoàn trực thuộc. Ngoài ra, trong Nhà trường còn có Hội Chữ thập đỏ; Hội đồng thi đua khen thưởng; Hội đồng kỉ luật; Ban đại diện CMHS... được tổ chức và hoạt động theo đúng quy định.

Về CSVC: Từ một ngôi trường phải học nhờ tại trường Tiểu học xã Nguyễn Trãi, đến nay trường đã xây dựng được môi trường cảnh quan rộng 20.998m². Trường có hệ thống sân chơi, bãi tập rộng; cây xanh, cây cảnh bố trí hợp lý, tạo không gian xanh, sạch, đẹp, thân thiện. Các khối công trình bao gồm hệ thống phòng học được trang bị tivi và điều hoà, phòng làm việc, phòng y tế, phòng truyền thống, phòng tư vấn tâm lý đáp ứng yêu cầu dạy và học, đồng thời đáp ứng cho các yêu cầu GD khác. Các phòng thực hành, phòng chức năng đáp ứng nhu cầu dạy và học của GV và HS. Khu để xe của GV và HS, hệ thống điện, ánh sáng, nước sinh hoạt đạt chuẩn theo quy định.

Về chất lượng GD: trường THPT Lý Tử Tấn luôn cố gắng vượt qua khó khăn về chất lượng tuyển sinh đầu vào thấp để đảm bảo chất lượng GD đại trà, tỉ lệ HS đỗ tốt nghiệp THPT cao và có HS giỏi Thành phố. Ngay những năm đầu thành lập, trường THPT Lý Tử Tấn có 01 HS đạt giải ba HS giỏi cấp tỉnh (lúc đó là tỉnh Hà Tây). Những năm học tiếp theo, nhà trường có thêm nhiều HS đạt giải trong Kỳ thi chọn HS giỏi cấp tỉnh/Thành phố: 02 HS đạt giải ba môn Ngữ văn, 10 HS đạt giải Khuyến khích môn Ngữ văn, 02 HS đạt giải Khuyến khích môn Vật lý, 01 HS đạt giải Khuyến khích môn Tiếng Anh,... Hằng năm, các thế hệ HS trường THPT Lý Tử Tấn tốt nghiệp ra trường phần lớn đều trưởng thành là những công dân tốt, nhiều HS thành đạt trong sự nghiệp.

Đánh giá và ghi nhận những cố gắng của nhà trường, năm 2014 trường THPT Lý Tử Tấn đã được UBND Thành phố Hà Nội chính thức công nhận danh hiệu trường “Đạt chuẩn Quốc gia”, năm 2020 và năm 2025 nhà trường được công nhận lại chuẩn Quốc gia Mức độ 1. Trải qua 21 năm xây dựng và phát

triển, trường THPT Lý Tử Tấn đã từng bước khẳng định được vị thế, thương hiệu, niềm tin trong nhân dân địa phương.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

Họ và tên: Phạm Văn Bình

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Trường THPT Lý Tử Tấn, xã Thượng Phúc, TP Hà Nội.

- Điện thoại: 0936799184

- Địa chỉ thư điện tử: pvbinh@c3lytutan.edu.vn

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo

TT	Vị trí việc làm	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp				Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Đạt	C Đ
	Tổng số	75		16	56	0	2	1	2	52	18		34	30	3	
I	Lãnh đạo, quản lý	3		3							3		3			
1	Hiệu trưởng	1		1							1		1			
2	Phó hiệu trưởng	2		2							2		2			
II	Vị trí việc làm chuyên ngành															
II.1	Giáo viên	64		13	51					49	15		31	30	3	
1	Toán	11		4	7					8	2		5	5	1	
2	Vật lí	7		1	6					5	2		3	4		
3	Hóa học	5		1	4					4	1		1	4		
4	Sinh học	2			2					1	1		2			
5	Công nghệ CN	2		1	2					1	1		1	1		
6	Công nghệ NN	1			1					1			1			
7	Ngữ văn	11		3	8					7	3		7	3	1	
8	Lịch sử	3		1	2					2	1		1	2		
9	Địa lí	3		1	2					1	2		3			
10	Tiếng Anh	8			8					7	1		3	5		
11	Giáo dục KTPL	2		1	1					1	1		1	1		
12	Giáo dục thể chất	5			5					4			2	2	1	
13	Tin học	3			3					3			1	2		
14	GDQP-AN	1			1					1				1		
II.2	Nhân viên	1			1					1						
1	NV Thiết bị	1			1					1						
III	Vị trí việc làm	4			4				2	2						

TT	Vị trí việc làm	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp				Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Đạt	C Đ
	dùng chung															
1	NV Văn thư	1			1				1							
2	NV Kế toán	2			2				1	1						
3	Nhân viên Y tế															
4	NV Thư viện	1			1					1						
IV	Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ	3					2	1								
5	Nhân viên bảo vệ	2					1	1								
6	Nhân viên phục vụ	1					1									

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đánh giá hằng năm theo quy định

STT	Chức danh	Số lượng hiện có	Mức độ được đánh giá			Tổng số được đánh giá	Tỷ lệ
			HTXS NV	HTTNV	HTNV		
1	Cán bộ QL	3		3		3	100%
1	Giáo viên	64	12	49		61	95,3%
2	Nhân viên	8	1	7		8	100%
	Tổng cộng	73	13	59		72	100%

c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định

TT	Môn	Tổng số hiện có mặt	Chia ra		Tổng số hoàn thành bồi dưỡng hàng năm	Tỷ lệ
			Cán bộ quản lý	Giáo viên		
1	Toán	11		11	11	100%
2	Vật lí	8	1	7	8	100%
3	Hóa học	5		5	5	100%
4	Sinh học	3	1	2	3	100%
5	Công nghệ CN	2		2	2	100%
6	Công nghệ NN	1		1	1	100%
7	Ngữ văn	11		11	11	100%
8	Lịch sử	3		3	3	100%
9	Địa lí	3		3	3	100%

10	Tiếng Anh	8		8	8	100%
11	Giáo dục KTPL	2		2	2	100%
12	Giáo dục thể chất	5		5	5	100%
13	Tin học	3		3	3	100%
14	GDQP-AN	2	1	1	2	100%
15	Nhân viên	8		8	8	100%
Tổng		75	3	72	75	100%

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

Diện tích đất: 20.998 m²

Số học sinh năm học 2025-2026: 1688 học sinh

Diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh: 12,44 m²/học sinh

Đối sánh với yêu cầu diện tích bình quân tối thiểu theo quy định tại thông tư số 23/2024/TT-BGDDT ngày 16 tháng 12 năm 2024 là 10m²/học sinh: Đạt yêu cầu.

2. Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	54	
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	36	
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
5	Số phòng học bộ môn	16	
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	2	
7	Bình quân lớp/phòng học	39/36	1,08
8	Bình quân học sinh/lớp	1688/39	43,3 hs/ lớp
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	20.998 m ²	13,08 m ² /hs
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	7000 m ²	4,36 m ² /hs

VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	1872 m ²	1,15 m ² /hs
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	3580,6 m ²	2,12 m ² /hs
3	Diện tích thư viện (m ²)	171,3 m ²	0,10 m ² /hs
3	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	442	0,26 m ² /hs
4	Diện tích phòng hoạt động Đoàn đội, phòng truyền thống (m ²)	78 m ²	0,05 m ² /hs

3. Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

- Về thiết bị dạy học: Nhà trường đã đầu tư, mua sắm đủ các thiết bị, đồ dùng dạy học tối thiểu cho cả 3 khối 10, 11, 12.

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 10	03	03/13
1.2	Khối lớp 11	03	03/13
1.3	Khối lớp 12	03	03/13
II	Tổng số thiết bị đang sử dụng		
1	Bàn ghế học sinh	864	
	+ Loại 2 chỗ ngồi	864	
	+ Loại 4 chỗ ngồi		
2	Bàn ghế giáo viên	36	
3	Bảng	36	
	<i>Trong đó:</i> <i>Bảng thông minh</i>		
4	Máy vi tính	89	
	<i>Chia ra:</i> <i>+ Dùng cho HS</i>	71	24 học sinh/ bộ
	<i>+ Dùng cho Quản lý</i>	18	
	<i>+ Kết nối Internet</i>	89	
5	Số máy in	20	

6	Máy chiếu Projecter	10	
7	Máy photocopy	1	
8	Tivi	54	

4. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

TT	Môn/Hoạt động giáo dục	Tên sách	Tên tác giả (Tổng chủ biên)	Tên nhà xuất bản
1	Toán	Cánh Diều	Đỗ Đức Thái	NXB ĐH Sư phạm
2	Ngữ văn	Cánh Diều	Lã Nhâm Thìn	NXB ĐH Huế
3	Lịch sử	Cánh Diều	Đỗ Thanh Bình	NXB ĐH Sư phạm
4	GDQP&AN	Cánh Diều	Nguyễn Thiện Minh	NXB ĐH Sư phạm
5	GDTC	Kết nối tri thức với cuộc sống (lớp 10)	Nguyễn Duy Quyết	NXB Giáo dục Việt Nam
		Cánh Diều (lớp 11, 12)	Đinh Quang Ngọc	NXB ĐH Sư phạm
6	Vật lí	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Văn Hùng	NXB Giáo dục Việt Nam
7	Hoá học	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Kim Long	NXB Giáo dục Việt Nam
8	Sinh học	Cánh Diều	Mai Sĩ Tuấn	NXB ĐH Sư phạm
9	Địa lí	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huỳnh	NXB Giáo dục Việt Nam
10	GDKT&PL	Kết nối tri thức với cuộc sống	Trần Thị Mai Phương	NXB Giáo dục Việt Nam
11	CN (NN)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng	NXB Giáo dục Việt Nam
12	CN (CN)	Cánh Diều	Nguyễn Tất Thắng	NXB ĐH Huế
13	Tin học	Kết nối tri thức với cuộc sống	Phạm Thế Long	NXB Giáo dục Việt Nam

14	Tiếng anh	Global Success	Hoàng Văn Vân	NXB Giáo dục Việt Nam
15	Mĩ thuật	Không		
16	Âm nhạc	Không		
17	Hoạt động TN, HN	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lưu Thu Thủy	NXB Giáo dục Việt Nam
18	Giáo dục địa phương	Theo HD của Sở GD&ĐT Hà Nội		

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Năm 2024, nhà trường được công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục đạt cấp độ 2 (Quyết định số 3108/QĐ-SGDĐT ngày 31/12/2024) và được công nhận trường THPT đạt Chuẩn quốc gia Mức độ 1.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học 2025-2026:

a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường

+ *Kết quả tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2025-2026:*

Chỉ tiêu tuyển sinh: 585 học sinh (13 lớp)

Số thực tế tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2025-2026 là: 583 học sinh.

+ *Số lượng học sinh 3 khối theo học tại trường năm học 2025-2026:*

STT	Khối	Số lượng học sinh	Số lượng học sinh nữ	Số lượng học sinh dân tộc thiểu số	Số lượng học sinh khuyết tật	số lượng học sinh học 02 buổi/ngày
1	Khối 10	583	271	1	0	0
2	Khối 11	546	256	4	2	0
3	Khối 12	584	284	4	2	0
	Tổng cộng	1713	811	9	4	0

+ *Số lượng học sinh thôi học, chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường năm học 2025-2026;*

STT	Khối	Số lượng học sinh thôi học	Số lượng học sinh chuyển	Số lượng học sinh tiếp nhận

			trường	
1	Khối 10	2	19	
2	Khối 11	2		
3	Khối 12	2		
	Tổng cộng	6	19	0

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp

- Kết quả xếp loại học tập:

Khối	SL HS	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
		SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)
Khối 10	563	191	33.93	364	64.65	7	1.24	1	0.18
Khối 11	544	396	72.79	145	26.65	2	0.37	1	0.18
Khối 12	581	578	99.48	3	0.52				
Toàn trường	1688	1165	69.02	512	30.33	9	0.53	2	0.12

- Kết quả xếp loại rèn luyện:

Khối	SL HS	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
		SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)
Khối 10	563	526	93.43	37	5.09				
Khối 11	544	512	94.12	31	5.7	1	0.18		
Khối 12	581	563	96.9	18	3.1				
Toàn trường	1688	1601	94.85	86	5.9	1	0.06		

+ Thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp

Khối	Tổng số HS	Số lượng học sinh được lên lớp	Số lượng học sinh không được lên lớp	Ghi chú
Khối 10	563	562	1	Thi lại trong hè
Khối 11	544	543	1	Thi lại trong hè
Khối 12	581	581		100% đủ điều kiện thi tốt nghiệp THPT
Tổng cộng	1688	1686	2	

c) Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh

được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông; số lượng học sinh trúng tuyển đại học đối với cấp trung học phổ thông

+ Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình:

Khối	Tổng số HS	Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình	Ghi chú
Khối 10	563	562	
Khối 11	544	543	
Khối 12	581	581	
Tổng cộng	1688	1686	

+ Học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông; số lượng học sinh trúng tuyển đại học đối với cấp trung học phổ thông: Chưa có số liệu cụ thể ở thời điểm hiện tại.

2. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: số lượng học sinh đang học (chia theo số lượng học sinh là người Việt Nam, số lượng học sinh là người nước ngoài)

Không có

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Số tiền
I	Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính năm 2025 báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:	
1	Phân thu	24.406.627.618
1.1	Số kinh phí ngân sách thực nhận năm 2025:	20.456.929.810
	Ngân sách đặt hàng	17.787.250.000
	Kinh phí NSNN cấp bù miễn giảm học phí theo ND81 cấp năm 2025	654. 882.500
	Kinh phí nghị định 15	1. 187.500
	Hỗ trợ chi phí học tập	7. 500.000
	Kinh phí mua sắm	1. 255.138.000
	Kinh phí Nghị định 73	877. 160.000
1.2	Kinh phí nguồn học phí và thu khác	3.949.697.808

STT	Chỉ tiêu	Số tiền
2	Phần chi	23.882.933.965
2.1	Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...);	20.768.307.387
2.2	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...);	1.304.260.600
2.3	Chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...);	121.915.000
2.4	Chi khác	1.688.450.978
II	Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm:	
	Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển.	
1	Năm học 2024-2025	
	Mức thu học phí	95.000 đồng/ học sinh/tháng
	Nước uống	12.000 đồng/ học sinh/tháng
2	Dự kiến Năm học 2025-2026	
	Nước uống	12.000 đồng/ học sinh/tháng
3	Dự kiến Năm học 2026-2027	
	Nước uống	12.000 đồng/ học sinh/tháng
III	Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học năm 2025.	663.570.000

STT	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Kinh phí miễn, giảm học phí	654.882.500
2	Kinh phí Nghị quyết 15 hỗ trợ HS cận nghèo	1.187.500
3	Chi trả hỗ trợ chi phí học tập theo quy định	7.500.000
IV	Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có) năm 2025.	1.959.204.677
1	Quỹ phúc lợi	670.593.000
2	Quỹ bổ sung thu nhập	612.000.000
3	Phát triển HDSN	433.055.677
4	Quỹ Khen thưởng	243.556.000

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ năm học; công tác xây dựng kế hoạch, tuyên truyền, tham mưu, phối hợp tổ chức thực hiện nhiệm vụ

- Ngay từ đầu năm học 2025 - 2026, nhà trường đã chủ động quán triệt đầy đủ các văn bản chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội; đồng thời căn cứ tình hình thực tiễn của đơn vị để xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường và các kế hoạch chuyên đề phù hợp.

- Nhà trường đã ban hành các quyết định, kế hoạch triển khai nhiệm vụ năm học; phân công nhiệm vụ cụ thể cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; chỉ đạo các tổ, nhóm chuyên môn xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ theo đúng chức năng, nhiệm vụ được giao. Công tác tuyên truyền, phổ biến kế hoạch được thực hiện kịp thời, công khai, tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động của toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

- Bên cạnh đó, nhà trường thường xuyên tham mưu với các cấp quản lý, phối hợp chặt chẽ với cha mẹ học sinh, chính quyền địa phương và các tổ chức đoàn thể trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ giáo dục, góp phần bảo đảm các hoạt động của nhà trường diễn ra nền nếp, hiệu quả.

2. Kết quả công tác đổi mới quản trị trường học; công tác thực hiện dân chủ cơ sở; kết quả những cách làm sáng tạo, hiệu quả trong dạy và học

- Công tác quản trị trường học tiếp tục được đổi mới theo hướng dân chủ, công khai, minh bạch, rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm. Nhà trường đã ban hành các quyết định, kế hoạch phân công nhiệm vụ cụ thể đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; gắn trách nhiệm cá nhân với hiệu quả công việc và kết quả thực hiện nhiệm vụ chung của đơn vị.

- Các hoạt động chuyên môn, hoạt động giáo dục, công tác kiểm tra, đánh giá, thi đua, khen thưởng được triển khai theo kế hoạch, bảo đảm nguyên tắc

công khai, công bằng, khách quan. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành, dạy học và kiểm tra đánh giá được tăng cường, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị nhà trường.

- Công tác thực hiện dân chủ ở cơ sở được nhà trường quan tâm triển khai thường xuyên, nghiêm túc. Các chủ trương, kế hoạch, nội dung liên quan đến quyền lợi, trách nhiệm của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh được công khai, bàn bạc, thống nhất trước khi tổ chức thực hiện. Trong năm học 2025 - 2026, nhà trường không có đơn thư khiếu nại, tố cáo; nội bộ đoàn kết, thống nhất, tạo môi trường thuận lợi để thực hiện tốt nhiệm vụ năm học.

- Trong dạy học, nhà trường tiếp tục khuyến khích giáo viên đổi mới phương pháp, đa dạng hóa hình thức tổ chức dạy học, tăng cường sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, phát huy tính chủ động, sáng tạo của học sinh. Một số cách làm hiệu quả được duy trì như: tăng cường sử dụng thiết bị dạy học, ứng dụng phần mềm hỗ trợ kiểm tra đánh giá, khai thác học liệu số và các nền tảng trực tuyến trong quản lý, giảng dạy.

3. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống; bộ quy tắc ứng xử trong trường học, xây dựng văn hóa học đường

- Nhà trường luôn xác định công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống và xây dựng văn hóa học đường là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên. Trong năm học, nhà trường đã tổ chức tuyên truyền, phổ biến các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, các văn bản chỉ đạo của ngành Giáo dục đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

- Chi bộ, Ban giám hiệu tổ chức tuyên truyền, thông tin các quan điểm chỉ đạo của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước cũng như những thông tin mang tính thời sự trong nước về quốc tế tới tất cả đảng viên trong các buổi sinh hoạt chi bộ và toàn bộ cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường trong các buổi họp toàn thể cơ quan. Qua đó góp phần nâng cao nhận thức chính trị, ý thức trách nhiệm và tinh thần thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ nhà giáo, người lao động trong đơn vị.

- Công tác bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ được thực hiện nghiêm túc. Nhà trường cử đúng, đủ cán bộ, giáo viên tham gia các lớp tập huấn do Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội tổ chức; 100% cán bộ, giáo viên tham gia tập huấn hoàn thành yêu cầu và được cấp giấy chứng nhận theo quy định.

- Nhà trường đã xây dựng, ban hành và triển khai Bộ quy tắc ứng xử trong trường học đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Các nội dung về đạo đức nhà giáo, văn hóa giao tiếp, ứng xử văn minh, trách nhiệm trong học tập và rèn luyện được lồng ghép trong các hoạt động giáo dục, sinh hoạt lớp,

sinh hoạt dưới cờ, hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp. Qua đó góp phần xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, kỷ cương và nhân văn.

4. Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học tối thiểu đảm bảo thực hiện Chương trình GDPT 2018; công tác xã hội hóa từ các đề án, dự án, các thiết bị được cấp, tài trợ, viện trợ; việc bảo quản, khai thác, sử dụng thiết bị trong dạy học được các cấp có thẩm quyền phát từ các đề án, dự án

- Nhà trường đã quan tâm đầu tư, mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu phục vụ việc triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với cả ba khối lớp 10, 11, 12. Hệ thống phòng học, phòng bộ môn, thiết bị thí nghiệm, đồ dùng dạy học được rà soát, bổ sung, sắp xếp và khai thác phục vụ hoạt động dạy học.

- Công tác bảo quản, khai thác, sử dụng thiết bị dạy học được thực hiện nghiêm túc. Giáo viên các bộ môn chủ động đăng ký sử dụng thiết bị, đồ dùng dạy học phù hợp với nội dung bài học; nhân viên thiết bị thực hiện việc theo dõi, quản lý, cập nhật sổ mượn/trả thiết bị thường xuyên. Việc sử dụng thiết bị trong dạy học góp phần tăng tính trực quan, phát huy năng lực thực hành, vận dụng kiến thức của học sinh.

- Trong năm học 2025 - 2026, nhà trường không thực hiện công tác xã hội hóa từ các đề án, dự án; không tiếp nhận thiết bị dạy học hoặc tài sản khác từ nguồn tài trợ, viện trợ của các đề án, dự án. Các hoạt động đầu tư, mua sắm, sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học được thực hiện theo quy định, bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả.

5. Việc thực hiện ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong công tác chỉ đạo, quản lý, điều hành, giảng dạy, học tập tại đơn vị

- Ngay từ đầu năm học, nhà trường xác định ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số là một trong những nhiệm vụ trọng tâm nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành và chất lượng dạy học. Nhà trường đã thành lập Ban Chỉ đạo chuyển đổi số, xây dựng kế hoạch thực hiện, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, từng bộ phận.

- Trong công tác quản lý, điều hành, nhà trường tăng cường sử dụng các phần mềm quản lý giáo dục, hệ thống email, biểu mẫu trực tuyến, các nền tảng trao đổi thông tin và quản lý dữ liệu. Các văn bản chỉ đạo, kế hoạch, thông báo được triển khai kịp thời, thuận tiện, góp phần nâng cao hiệu quả xử lý công việc.

- Trong giảng dạy và học tập, giáo viên tích cực ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác học liệu số, sử dụng thiết bị trình chiếu, phần mềm hỗ trợ dạy học, kiểm tra, đánh giá. Nhà trường thực hiện nghiêm túc, hiệu quả việc sử dụng học bạ điện tử, sổ điểm điện tử và các phần mềm quản lý do Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội triển khai. Công tác cập nhật, quản lý dữ liệu học sinh, giáo viên, kết quả

học tập, rèn luyện được thực hiện thường xuyên, bảo đảm chính xác, đúng tiến độ.

6. Triển khai công tác kiểm tra nội bộ trường học

- Nhà trường thực hiện nghiêm túc công tác kiểm tra nội bộ trường học theo Kế hoạch số 224/KH-THPTLTT, ngày 06/9/2025 của Trường THPT Lý Tử Tấn về kiểm tra nội bộ trường học năm học 2025 - 2026.

- Nội dung kiểm tra được triển khai theo đúng kế hoạch, tập trung vào các lĩnh vực trọng tâm như: thực hiện quy chế chuyên môn, hồ sơ sổ sách, đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá học sinh, việc thực hiện nhiệm vụ của tổ chuyên môn, giáo viên, nhân viên; công tác chủ nhiệm lớp; quản lý, sử dụng thiết bị dạy học; thực hiện nền nếp, kỷ cương trong nhà trường.

- Công tác kiểm tra toàn diện giáo viên được thực hiện nghiêm túc, khách quan, mang tính tư vấn, thúc đẩy và hỗ trợ đội ngũ nâng cao chất lượng chuyên môn. Trong năm học, có 21 giáo viên được kiểm tra toàn diện, trong đó có 20 giáo viên được xếp loại tốt, 01 giáo viên xếp loại khá. Bên cạnh kiểm tra toàn diện, nhà trường còn thực hiện kiểm tra chuyên đề đối với các tổ chuyên môn, bộ phận và cá nhân theo kế hoạch.

- Thông qua kiểm tra nội bộ, nhà trường kịp thời phát hiện những ưu điểm để phát huy, đồng thời chỉ ra những tồn tại, hạn chế để điều chỉnh, khắc phục. Công tác kiểm tra đã góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm của cán bộ, giáo viên, nhân viên; giữ vững nền nếp, kỷ cương; nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường.

Với những kết quả đã đạt được trong năm học 2025 - 2026, Trường THPT Lý Tử Tấn tiếp tục khẳng định sự ổn định, nền nếp trong công tác quản lý, chất lượng trong hoạt động giáo dục, uy tín đối với phụ huynh, học sinh và vị thế của nhà trường trong ngành Giáo dục Thủ đô./.

Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2026



Phạm Văn Bình